

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
-----  -----

TRẦN QUANG HÙNG

**NGHIÊN CỨU SỰ THAM GIA QUẢN LÝ RỪNG CỦA
CỘNG ĐỒNG TẠI VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA
XUÂN SƠN TỈNH PHÚ THỌ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP

THÁI NGUYÊN, NĂM 2010

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



TRẦN QUANG HÙNG

**NGHIÊN CỨU SỰ THAM GIA QUẢN LÝ RỪNG CỦA
CỘNG ĐỒNG TẠI VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA
XUÂN SƠN TỈNH PHÚ THỌ**

CHUYÊN NGÀNH: LÂM HỌC

MÃ SỐ: 60.62.60

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Vũ Nhâm

THÁI NGUYÊN, NĂM 2010

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực và chưa hề sử dụng cho bảo vệ một học vị nào. Mọi sự giúp đỡ cho việc hoàn thành luận văn đều được cảm ơn. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn này đã được ghi rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2010

TÁC GIẢ

Trần Quang Hưng

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và thực hiện làm luận văn tốt nghiệp trong chương trình đào tạo Thạc sỹ Lâm nghiệp, chuyên ngành Lâm học tại Khoa Đào tạo sau đại học trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, tôi luôn nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình quý báu của các thầy cô giáo, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè.

Nhân dịp này cho tôi được tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các cơ quan, tổ chức và cá nhân:

- Khoa Đào tạo sau đại học, Ban giám hiệu và toàn thể các thầy cô giáo Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên đã giúp đỡ tôi hoàn thành khoá đào tạo.
- PGS.TS Vũ Nhâm, giáo viên hướng dẫn khoa học của luận văn đã định hướng và tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn.
- Chi cục Kiểm lâm Phú Thọ, Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Sơn, các ban ngành huyện Tân Sơn đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi thực hiện luận văn.
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Đài và người dân của các khu hành chính đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện PRA xây dựng quản lý rừng cộng đồng.

Do còn nhiều hạn chế về thời gian, nhân lực và các điều kiện nghiên cứu nên chắc chắn luận văn còn nhiều thiếu sót. Tôi mong muốn nhận được những đóng góp ý kiến quý báu của các thầy cô giáo, các nhà khoa học và đồng nghiệp.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2010

TÁC GIẢ

Trần Quang Hưng

Mục lục

Nội dung	Trang
Mở đầu	01
Chương I: Tổng quan vấn đề nghiên cứu	04
1.1. Nhận thức chung về vấn đề nghiên cứu	04
1.1.1. Cộng đồng địa phương và quản lý rừng cộng đồng	04
1.1.2. Vùng đệm và quy chế quản lý vùng đệm ở Việt Nam	05
1.2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu trên thế giới	07
1.3. Tổng quan vấn đề nghiên cứu ở Việt Nam	09
1.3.1. Quá trình phát triển lâm nghiệp cộng đồng ở Việt Nam	09
1.3.2. Những nghiên cứu chính về quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam	13
1.4. Bài học kinh nghiệm về quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam	16
Chương II: Quan điểm, mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu	17
2.1. Quan điểm nghiên cứu	17
2.2. Mục tiêu nghiên cứu	17
2.2.1. Mục tiêu tổng quát	17
2.2.2. Mục tiêu cụ thể	17
2.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	18
2.4. Nội dung nghiên cứu	18
2.4.1. Nghiên cứu thực trạng quản lý và mức độ tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý tài nguyên rừng, ĐDSH ở địa phương	18
2.4.2. Nghiên cứu vai trò của cộng đồng, những nguyên nhân cản trở hoặc thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào quản lý tài nguyên rừng	18
2.4.3. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thu hút cộng đồng cùng tham gia quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và ĐDSH tại vùng đệm VQG	19
2.5. Phương pháp nghiên cứu	19
2.5.1. Phương pháp luận	19

2.5.2. Phương pháp và công cụ thu thập số liệu, thông tin	22
2.5.3. Xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu	26
Chương III: Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội khu vực nghiên cứu	27
3.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	27
3.1.1. Vị trí địa lý, hành chính	27
3.1.2. Địa hình, địa mạo	27
3.1.3. Khí hậu, thủy văn	29
3.1.4. Thổ nhưỡng, đất đai	31
3.1.5. Tài nguyên rừng và tình hình sử dụng đất	32
3.2. Điều kiện kinh tế xã hội	33
3.2.1. Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội các xã vùng đệm	33
3.2.2. Tình hình kinh tế xã hội xã Xuân Đài	35
3.3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn về điều kiện kinh tế xã hội	40
3.3.1. Thuận lợi	40
3.3.2. Khó khăn	40
Chương IV: Kết quả nghiên cứu và thảo luận	42
4.1. Nghiên cứu thực trạng quản lý tài nguyên rừng, ĐDSH ở địa phương và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý rừng	42
4.1.1. Các hình thức quản lý rừng khu vực nghiên cứu	42
4.1.2. Thực trạng hoạt động bảo vệ, sử dụng rừng tại địa phương	43
4.1.3. Hoạt động khai thác, sử dụng rừng và đất rừng ở địa phương, những nguy cơ và thách thức	47
4.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý rừng ở khu vực nghiên cứu	59
4.2. Nghiên cứu vai trò của cộng đồng, những nguyên nhân cản trở và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào quản lý tài nguyên rừng ở địa phương	62
4.2.1. Các tổ chức cộng đồng ở địa phương và vai trò của cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng	62

4.2.2. Những yếu tố cản trở và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và quản lý tài nguyên rừng ở địa phương	70
4.3. Đề xuất một số giải pháp thu hút cộng đồng vào quản lý tài nguyên rừng	76
4.3.1. Giải pháp tổ chức quản lý rừng dựa vào cộng đồng	76
4.3.2. Những giải pháp về kinh tế	82
4.3.3. Những giải pháp về xã hội	86
4.3.4. Những giải pháp về khoa học công nghệ	90
Kết luận, tồn tại và khuyến nghị	94
5.1. Kết luận	94
5.2. Tồn tại	96
5.3. Khuyến nghị	97
Tài liệu tham khảo	98

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3-1: Số liệu khí hậu của khu vực nghiên cứu	29
Bảng 3-2: Thực trạng giáo dục xã Xuân Đài	36
Bảng 3-3: Cơ cấu sử dụng đất xã Xuân Đài	38
Bảng 4-1: Đánh giá tỷ trọng các sản phẩm	48
Bảng 4-2: Nguồn thu tiền mặt của các hộ gia đình	49
Bảng 4-3: Xu hướng phát triển của một số loài động vật chủ yếu	52
Bảng 4-4: Cơ cấu trưởng thôn và già làng trong thôn bản	67
Bảng 4-5: Đề xuất quản lý và khai thác bền vững một số loài lâm sản	83

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3-1: Cơ cấu dân tộc các xã	33
Biểu đồ 3-2: Cơ cấu dân tộc xã Xuân Đài	35
Biểu đồ 3-3: Cơ cấu sử dụng đất xã Xuân Đài	38

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Ảnh 4-1: Khai thác Măng tại thôn Dụ	50
Ảnh 4-2: Khai thác gỗ Sâng tại vùng đệm	51

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 4-1: Mô hình tổ chức quản lý bảo vệ rừng của xã Xuân Đài	44
Sơ đồ 4-2: Hệ thống kiến thức bản địa và thể chế	54
Sơ đồ 4-3: Cơ cấu tổ chức của ban quản lý rừng cộng đồng khu hành chính	77
Sơ đồ 4-4: Tổ chức quản lý quỹ bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng	80
Sơ đồ 4-5: Phương pháp tuyên truyền bảo tồn thiên nhiên	89

DANH MỤC NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
LNCĐ	Lâm nghiệp cộng đồng
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PGS. TS	Phó giáo sư. Tiến sỹ
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân
QĐ-TTg	Quyết định- Thủ tướng
RRA	Đánh giá nhanh nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn quốc gia
WWF	Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới

MỞ ĐẦU

Hệ thống 3 loại rừng là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất ngày càng được phát triển và hoàn thiện. Hệ thống rừng đặc dụng được coi là chiến lược bảo tồn thiên nhiên lâu dài của Việt Nam và là cơ hội tồn tại của các loài động, thực vật đang bị đe dọa. Năm 1962, khu rừng cấm quốc gia đầu tiên Cúc Phương đã được thành lập. Hệ thống rừng đặc dụng chính thức được thành lập theo Quyết định số 194/TTg ngày 9/8/1986 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) với 86 khu được chia làm 3 loại: Vườn quốc gia (VQG), Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN), khu rừng văn hoá lịch sử và môi trường. Ngày 17/9/2003 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chiến lược quản lý hệ thống khu BTTN Việt Nam đến năm 2010 có tổng diện tích 3.029.321 ha, chiếm trên 9% diện tích tự nhiên toàn quốc với 133 khu rừng đặc dụng trong đó có 32 VQG, 58 khu dự trữ thiên nhiên, 28 khu bảo tồn loài, nơi cư trú và 21 khu bảo tồn cảnh quan. [3]

Do rừng bị thu hẹp, ĐDSH bị đẩy lùi tới những vùng núi nên hầu hết các khu rừng đặc dụng phân bố ở vùng sâu xa, nơi đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống. Mỗi một khu rừng đặc dụng có những đặc điểm đặc trưng riêng biệt nhưng thường có đặc điểm chung là địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn, kinh tế xã hội chưa phát triển, dân cư thưa thớt. Đặc điểm này đã gây ra không ít khó khăn và trở ngại cho công tác quản lý các khu rừng đặc dụng trong những năm qua. Lực lượng quản lý về lâm nghiệp mỏng, nhiều nơi không đủ điều kiện thành lập ban quản lý rừng đặc dụng. Trình độ hiểu biết về ĐDSH cũng như tổ chức quản lý rừng đặc dụng còn hạn chế. Tuy đã được Chính phủ và Chính quyền các cấp quan tâm nhưng kinh phí giành cho các hoạt động BTTN vẫn rất hạn hẹp. Nhiều khu rừng đặc dụng chỉ tồn tại trên danh nghĩa, không đầu tư, không chủ quản lý. Cũng có nhiều khu tuy đã có ban quản lý nhưng lực lượng mỏng, hoạt động kém hiệu quả. Những đặc điểm này là nguyên nhân dẫn đến rừng và ĐDSH của các khu rừng đặc dụng vẫn tiếp tục bị tác động và suy giảm.